TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1080/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Lý

Bà Bùi Thị Ánh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thúy D, sinh năm 1991
Thường trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh N, sinh năm 1986

Thường trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D có mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Đặng Thị Thúy D trình bày: Bà và ông N tự nguyện chung sống năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 62/2013, quyển số: I/2013, cấp ngày 01/4/2013. Sau khi kết hôn, đôi bên chung sống tại gia đình ông N ở địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về mọi mặt trong cuộc sống, ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây chuyện và có những lời nói xúc phạm bà làm cho cuộc sống chung luôn căng thẳng, gay gắt. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay, bà và con chuyển

về nhà cha mẹ sống nhưng ông N không đến thăm nom con và bàn bạc, giải quyết mâu thuẫn giữa hai bên. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Minh N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà D nhưng ông N không đến Tòa án trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy D trình bày:Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Minh K, sinh ngày 16/01/2014, bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Minh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị Thúy D có đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh N, do ông N cư trú tại đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Bị đơn là ông Phạm Minh N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]Về yêu cầu ly hôn của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Bà D và ông N tự nguyện chung sống năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp. Theo bà D trình bày, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về mọi mặt trong cuộc sống, ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên gây chuyện, xúc phạm bà làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, gay gắt. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay, bà và ông N đã ly thân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Phía bị đơn là ông N không trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông N.

[4]Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Minh K, sinh ngày 16/01/2014 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, hiện nay cháu K do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà D không yêu cầu.

[5]Về tài sản chung: Không có.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà D phải nộp án phí 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006585 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Thúy D và ông Phạm Minh N.

2.Về con chung: Ông N có trách nhiệm giao con tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/01/2014 cho bà D trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà D không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Đặng Thị Thúy D nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006585 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.Về quyền kháng cáo: Bà D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 62/2013,Quyển số: I/2013, cấp ngày 01/4/2013;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương